

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2020/HS-ST**

Ngày: 11-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vàng Huy Lập;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Tổ dân phố N, phường I, thành phố Đ, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 184/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Trần Ngọc K, tên thường gọi khác: **B**; sinh ngày 25 tháng 3 năm 1995, tại Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: 272/4 đường T, phường L, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị T, sinh năm 1963; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; Tiền án:

-Bản án số 150/2015/HSST ngày 12/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2018.

-Bản án số 62/2019/HSST ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt bị cáo 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2020, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Quyết định số 472/ UB ngày 08/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa bị cáo vào cơ sở giáo dục 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã xóa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1983; nơi cư trú: hẻm M, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973; nơi cư trú: 49 đường T, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

3. Ông Đặng Việt C, sinh năm 1952; nơi cư trú: 6D đường T, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trần Ngọc K là đối tượng có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, K không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 07/5/2020 đến ngày 11/5/2020 K đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 10 giờ 00 ngày 07/5/2020, K đi tới đường hẻm M, phường I, thành phố Đ, phát hiện ngôi nhà của anh Nguyễn Hữu T, tại hẻm M, phường I, thành phố Đ không có người trông coi nên K nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, K trèo qua hàng rào rồi trèo lên ô thông gió của cửa sổ phòng ngủ ở tầng trệt đột nhập vào trong nhà. Khi vào trong phòng ngủ, K lục lọi tài sản và lấy trộm trong tủ quần áo được số tiền 15.000.000 đồng, 01 xấp 31 thẻ cào điện thoại gồm các mệnh giá khác nhau (02 thẻ mệnh giá 20.000 đồng, 19 thẻ mệnh giá 50.000 đồng, 10 thẻ mệnh giá 100.000 đồng), 01 lắc tay bằng vàng (không rõ trọng lượng). Sau khi lấy trộm số tài sản trên, K mang chiếc lắc tay bằng vàng tới tiệm vàng M do anh Trần Hoàng M làm chủ, bán được số tiền 3.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt nói trên K đã tiêu xài cá nhân còn số thẻ cào điện thoại K sử dụng để chơi game hết.

Quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Hữu T khai nhận bị mất số tiền khoảng 20.000.000 đồng, 01 lắc tay bằng vàng 18k trọng lượng 5 chỉ, 31 thẻ điện thoại các loại trị giá 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, xác minh, thì K chỉ thừa nhận trộm cắp số tiền 15.000.000 đồng, 01 lắc tay bằng vàng (không rõ trọng lượng) và 31 thẻ cào điện thoại các loại. Tại bản kết luận định giá tài sản số 166/KL-ĐG ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định 31 thẻ cào điện thoại các loại mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng và 100.000 đồng có tổng trị giá 1.990.000 đồng. Đối với chiếc lắc tay bằng vàng do không thu hồi được nên Hội đồng

định giá tài sản không có cơ sở để định giá. Tổng số tài sản K chiếm đoạt của anh Nguyễn Hữu T xác định được có tổng trị giá là 16.990.000 (mười sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng. Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Lần 2: Khoảng 09 giờ 00 ngày 11/5/2020, K tiếp tục đi bộ đến đường T, phường I, thành phố Đà Lạt, khi đi đến nhà của anh Nguyễn Ngọc S, tại địa chỉ 49 đường T thì K thấy căn nhà đóng cửa, không có người trông coi nên K leo lên lan can tầng 2 rồi đột nhập vào trong nhà, lục tìm và lấy trộm được số tiền 3.500.000 đồng, 65 đô la Úc và 08 đô la Mỹ. Sau đó, K mang số tiền ngoại tệ đi bán cho một người đi đường được 1.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Tại bản kết luận định giá tài sản số 166/KL-ĐG ngày 05/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định 65 đô la Úc và 08 đô la Mỹ có tổng trị giá là 1.156.470 đồng. Tổng số tài sản K chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc S trị giá là 4.656.470 (bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng, anh S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Lần 3: Sau khi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Ngọc S, K đi bộ theo hướng ra cầu M, phường I, thành phố Đà Lạt thì phát hiện căn nhà của ông Đặng Việt C ở địa chỉ 6Đ đường T, phường I, thành phố Đ không có người trông coi nên K trèo rào và đột nhập vào trong nhà. Khi vào tới phòng ngủ, K lục tìm tài sản và lấy trộm số tiền 58.000.000 đồng; 01 hộp hình vuông màu đỏ bên trong có 02 đồng hồ nữ nhãn hiệu KIMIO và RADO, 01 sợi dây chuyền vàng và 01 mẻ dây loại vàng 18k nặng 1,43 chỉ; 01 đôi bông tai vàng có đính đá Theramic, loại vàng 18k, trọng lượng 0,75 chỉ cùng một số trang sức khác (không rõ loại và trọng lượng). Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, K đi đến tiệm vàng M bán số trang sức vừa lấy trộm được số tiền 17.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được của ông C, K đã tiêu xài cá nhân hết, đối với 02 chiếc đồng hồ K cất giấu ở nhà nghỉ KN ở đường P, phường H, thành phố Đ nơi K thuê để ở.

Tại các kết luận định giá tài sản số 166/KL-ĐG ngày 05/8/2020 và số 208/KL-ĐG ngày 16/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ xác định 01 sợi dây chuyền và mẻ dây, loại vàng 18k nặng 1,43 chỉ trị giá 3.946.800 đồng; 01 đôi bông tai đính đá theramic vàng, loại vàng 18k nặng 0,75 chỉ trị giá 2.070.000 đồng; và 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu KIMIO trị giá 180.000 đồng và 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu RADO trị giá 500.000 đồng. Đối với số trang sức bằng vàng khác do không thu hồi được, bị hại ông C không cung cấp được hoá đơn mua hàng nên Hội đồng định giá tài sản không có cơ sở để định giá. Tổng số tài sản K chiếm đoạt của ông Đặng Việt C xác định được có tổng trị giá 64.696.800 (sáu mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm) đồng, ông C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Cáo trạng số 183/CT-VKS ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Trần Ngọc K về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà,

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Bị hại anh Nguyễn Hữu T trình bày xác nhận lời khai của bị cáo là đúng. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp cho anh số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo K đồng ý bồi thường tiếp cho anh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bị hại ông Đặng Việt C trình bày ông bị mất số tiền mặt là 58.000.000 đồng và các trang sức bằng vàng theo bảng thống kê tài sản mà ông đã cung cấp tại cơ quan điều tra (BL 105), ông chỉ cung cấp được một số hoá đơn mua vàng, còn lại do thất lạc hoá đơn nên ông không cung cấp được. Tổng giá trị tài sản mà ông bị mất cắp khoảng 100.000.000 đồng. Ông C yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền tương ứng là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Bị cáo, bị hại anh T, ông C không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Trần Ngọc K về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 183/CT-VKS ngày 23/10/2020. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Trần Ngọc K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trần Ngọc K từ 05- 06 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại ông Nguyễn Ngọc S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; bồi thường cho ông Đặng Việt C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại 01 hộp hình vuông màu đỏ kích thước 10x10x3cm; 02 đồng hồ nữ nhãn hiệu KIMIO và RADO cho ông Đặng Việt C nên không đề cập.

Bị cáo, bị hại anh T, ông C không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tố tụng: bị hại ông Nguyễn Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy việc vắng mặt của ông S không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Lê Trần Ngọc K là đối tượng đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, từ ngày 07/5/2020 đến ngày 11/5/2020, lợi dụng lúc không có người ở nhà, bị cáo K liên tục 03 lần đột nhập vào nhà của người dân trên địa bàn thành phố Đ thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm tiền mặt, thẻ cào điện thoại và trang sức có giá trị để tiêu xài cá nhân và làm nguồn sống chính cho bản thân, cụ thể: bị cáo cấp tài sản của anh Nguyễn Ngọc S với tổng trị giá 4.656.470 đồng, trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Hữu T trị giá 16.990.000 đồng, trộm cắp tài sản của ông Đặng Việt C trị giá 64.696.800 đồng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo K phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, có tính chất chuyên nghiệp, tổng giá trị tài sản bị cáo K chiếm đoạt của các bị hại nói trên là 86.343.270 đồng (tám mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm bảy mươi đồng) nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo khai số vàng mà bị cáo đã trộm cắp của anh Nguyễn Hữu T và ông Đặng Việt C, bị cáo mang bán cho cửa hàng mua bán vàng M, do ông Trần Hoàng M là chủ cửa hàng. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được ông M mua số vàng trên của bị cáo K nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với ông M là đúng quy định.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 03 lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo đã bồi thường một phạt thiệt hại cho anh T và được anh T xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5]. Về quyết định hình phạt: xét thấy, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để sửa chữa sai lầm của mình mà sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và đặc biệt là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần xử bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, bị cáo K đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; bồi thường cho ông Đặng Việt C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện, thoả thuận của bị cáo với bị hại và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; bồi thường cho ông Đặng Việt C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Ngày 09/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 hộp hình vuông màu đỏ kích thước 10x10x3cm; 02 đồng hồ nữ nhãn hiệu KIMIO và RADO cho ông Đặng Việt C là đúng quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Trần Ngọc K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Lê Trần Ngọc K 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 17/5/2020.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại anh T, ông C, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại ông S:

Buộc bị cáo Lê Trần Ngọc K có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng; bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; bồi thường cho ông Đặng Việt C số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.750.000 (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại anh T, ông C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông S vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP Đà Lạt;
- Công an TP Đà Lạt;
- THADS TP Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên